

BỘ GIÁO DỤC VÀ ĐÀO TẠO
ĐẠI HỌC ĐÀ NẴNG

TRẦN THỊ DIỄM HƯƠNG

**THU HÚT ĐẦU TƯ TRỰC TIẾP NƯỚC NGOÀI
VÀO TỈNH QUẢNG NGÃI**

Chuyên ngành: Kinh tế phát triển
Mã số : 60.31.05

TÓM TẮT LUẬN VĂN THẠC SĨ KINH TẾ

Đà Nẵng, năm 2011

2

Công trình được hoàn thành tại
ĐẠI HỌC ĐÀ NẴNG

Người hướng dẫn khoa học: TS. Lâm Minh Châu

Phản biện 1: TS. Ninh Thị Thu Thủy

Phản biện 2: TS. Trần Thị Bích Hạnh

Luận văn đã được bảo vệ trước Hội đồng chấm luận văn tốt nghiệp Thạc sĩ Kinh tế họp tại Đại học Đà Nẵng vào ngày 30 tháng 11 năm 2011.

Có thể tìm hiểu luận văn tại:

- Trung tâm Thông tin – Học liệu, Đại học Đà Nẵng
- Thư viện Trường Đại học Kinh tế, Đại học Đà Nẵng

MỞ ĐẦU

1. Lý do chọn Đề tài

Đầu tư trực tiếp nước ngoài (FDI) đóng vai trò quan trọng đối với tăng trưởng và phát triển kinh tế không chỉ đối với kinh tế Việt Nam nói chung mà còn đối với địa phương nói riêng, trong đó có tỉnh Quảng Ngãi. Trong những năm gần đây, kết quả thu được từ việc thu hút FDI mặc dù đã góp phần làm thúc đẩy tăng trưởng kinh tế nhưng cơ cấu đầu tư FDI còn bất hợp lý dẫn đến mất cân đối trong phát triển giữa các ngành kinh tế làm ảnh hưởng đến quá trình chuyển dịch cơ cấu kinh tế theo hướng CNH-HĐH của tỉnh Quảng Ngãi. Hoạt động chuyển giao công nghệ trong các dự án FDI chưa thật sự hiệu quả, tình hình thực hiện nội địa hoá công nghệ diễn ra còn chậm. Những lĩnh vực đầu tư vào tỉnh Quảng Ngãi còn mang nặng tính lấp rập, gia công. Việc thu hút đầu tư nước ngoài chưa thực sự tạo ra động lực cho các doanh nghiệp nói riêng và công nghiệp của tỉnh phát triển. Mặt trái của thu hút FDI phải kể đến vấn đề dân sinh, môi trường, vấn đề giải quyết việc làm, bảo đảm cuộc sống ổn định cho người dân bị thu hồi đất, vấn đề quan hệ lao động, thu nhập và đời sống trong các doanh nghiệp FDI trên địa bàn tỉnh. Để Quảng Ngãi có thể phát triển như Nghị quyết của Hội đồng nhân dân tỉnh đề ra cần phải giải quyết những vướng mắc, những hạn chế nêu trên. Xuất phát từ lý do đó, học viên chọn đề tài “Thu hút đầu tư trực tiếp nước ngoài vào tỉnh Quảng Ngãi” để nghiên cứu.

2. Mục tiêu nghiên cứu

- Hệ thống hoá những vấn đề lý luận cơ bản về thu hút FDI.
- Phân tích thực trạng thu hút FDI vào Quảng Ngãi thời gian qua.
- Đề xuất một số giải pháp chủ yếu tăng cường thu hút FDI vào tỉnh Quảng Ngãi thời gian đến.

3. Đối tượng và phạm vi nghiên cứu

* Đối tượng nghiên cứu

Đề tài nghiên cứu các vấn đề lý luận và thực tiễn liên quan đến thu hút FDI vào tỉnh Quảng Ngãi.

* Phạm vi nghiên cứu

- Về nội dung: Luận văn nghiên cứu đến tình hình các nội dung liên quan đến thu hút FDI vào Quảng Ngãi.

- Về không gian: Đề tài nghiên cứu tình hình thu hút FDI trên địa bàn tỉnh Quảng Ngãi.

- Về thời gian: các giải pháp đề xuất trong luận văn có ý nghĩa trong những năm trước mắt.

4. Phương pháp nghiên cứu

Để thực hiện mục tiêu nghiên cứu trên, luận văn sử dụng các phương pháp:

- Phương pháp phân tích thực chứng, phương pháp phân tích chuẩn tắc.

- Phương pháp điều tra, khảo sát, chuyên gia, phân tích, so sánh, tổng quát hóa.

- Các phương pháp khác.

5. Bố cục và nội dung của Đề tài

Ngoài phần mở đầu, kết luận và tài liệu tham khảo, luận văn được chia làm 3 chương, cụ thể như sau:

Chương 1: Cơ sở lý luận về thu hút vốn đầu tư trực tiếp nước ngoài

Chương 2: Thực trạng thu hút FDI của tỉnh Quảng Ngãi giai đoạn 2001-2010

Chương 3: Một số giải pháp tăng cường việc thu hút FDI vào tỉnh Quảng Ngãi giai đoạn 2011-2020.

CHƯƠNG 1

CƠ SỞ LÝ LUẬN VỀ THU HÚT

VỐN ĐẦU TƯ TRỰC TIẾP NƯỚC NGOÀI

1.1. KHÁI QUÁT VỀ ĐẦU TƯ VÀ THU HÚT VỐN ĐẦU TƯ TRỰC TIẾP NƯỚC NGOÀI

1.1.1. Một số khái niệm

* **Đầu tư** là việc nhà đầu tư bỏ vốn bằng các loại tài sản hữu hình hoặc vô hình để hình thành tài sản tiến hành các hoạt động đầu tư theo

qui định của luật này và các qui định pháp luật khác có liên quan.

* **Vốn đầu tư** là tiền và các tài sản hợp pháp khác để thực hiện các hoạt động đầu tư theo hình thức đầu tư trực tiếp hoặc đầu tư gián tiếp.

* **Đầu tư trực tiếp nước ngoài** là việc nhà đầu tư nước ngoài đưa vốn bằng tiền và các tài sản hợp pháp khác vào quốc gia đó để tiến hành hoạt động đầu tư và tham gia quản lý hoạt động đầu tư; có quyền sở hữu và quản lý hoặc quyền kiểm soát một thực thể kinh tế tại quốc gia đó, với mục tiêu đối đa hoá lợi ích của mình.

* **Thu hút vốn đầu tư trực tiếp nước ngoài** là thu hút vốn đầu tư từ những nhà đầu tư trực tiếp nước ngoài hay nói các khác là tổng hợp nhiều hoạt động marketing nhằm đẩy mạnh thu hút vốn FDI. Các hoạt động đó là: tổ chức các hội thảo, phái đoàn vận động đầu tư, tham gia các triển lãm, diễn đàn về thương mại - đầu tư, phân phát các tài liệu tuyên truyền kêu gọi đầu tư, tổ chức các buổi tiếp xúc giữa các nhà đầu tư tiềm năng với các đối tác địa phương, trợ giúp nhà đầu tư khảo sát, hình thành dự án, phê duyệt và cấp giấy phép đầu tư, các hỗ trợ sau khi dự án đi vào hoạt động.

1.1.2. Đặc điểm và các hình thức của đầu tư trực tiếp nước ngoài

a. Đặc điểm của đầu tư trực tiếp nước ngoài

- FDI gắn liền với việc di chuyển tiền và tài sản giữa các quốc gia trên thế giới.

- FDI đảm bảo cho nhà đầu tư nước ngoài quyền trực tiếp tham gia kiểm soát, điều hành quá trình đầu tư và kinh doanh của doanh nghiệp theo đó chủ đầu tư bị không chế mức góp vốn tối thiểu theo quy định của từng nước.

- Quyền quản lý doanh nghiệp FDI phụ thuộc vào mức độ góp vốn của chủ đầu tư.

- FDI được thực hiện thông qua việc thành lập các doanh nghiệp mới, mua lại từng phần hoặc toàn bộ doanh nghiệp đang hoạt động hoặc tiến hành hoạt động hợp nhất và chuyển nhượng doanh nghiệp.

- FDI chủ yếu là hoạt động đầu tư của tư nhân với mục tiêu cơ bản là lợi nhuận.

- FDI gắn liền với các hoạt động kinh doanh của các công ty xuyên quốc gia thực hiện (TNCs).

b. Các hình thức đầu tư trực tiếp nước ngoài

- Thành lập tổ chức kinh tế 100% vốn của nhà ĐTNN.

- Thành lập tổ chức kinh tế liên doanh giữa các nhà đầu tư trong nước và nhà đầu tư nước ngoài.

- Đầu tư theo hình thức hợp đồng BCC, hợp đồng BOT, hợp đồng BTO, hợp đồng BT.

- Đầu tư theo hình thức góp vốn, mua cổ phần, sáp nhập, mua lại doanh nghiệp.

- Đầu tư phát triển kinh doanh.

1.1.3. Ý nghĩa của việc thu hút đầu tư trực tiếp nước ngoài

- FDI bổ sung nguồn vốn cho nền kinh tế, thúc đẩy chuyển dịch cơ cấu kinh tế và tăng trưởng kinh tế.

- FDI góp phần tạo việc làm, giảm thất nghiệp, thúc đẩy đào tạo nguồn nhân lực và chuyển giao kinh nghiệm quản lý.

- FDI góp phần chuyển giao và nâng cao năng lực công nghệ mới cho nền kinh tế, góp phần tăng năng suất lao động.

- FDI là cầu nối quan trọng giữa nền kinh tế tiếp nhận đầu tư với nền kinh tế thế giới, giúp cho nền kinh tế tiếp nhận đầu tư mở rộng quan hệ kinh tế quốc tế.

1.2. NỘI DUNG THU HÚT VỐN ĐẦU TƯ TRỰC TIẾP NƯỚC NGOÀI

1.2.1. Các chỉ tiêu phản ánh kết quả thu hút vốn đầu tư trực tiếp nước ngoài

a. Số lượng dự án đầu tư tăng thêm

- Tức là đề cập đến các dự án đầu tư mới được thu hút trong một giai đoạn nhất định.

- Tốc độ tăng của dự án đầu tư là số lượng dự án tăng lên của năm sau so với năm trước.

b. Qui mô vốn đầu tư thu hút

- Qui mô vốn đầu tư là số lượng vốn đầu tư mà nhà đầu tư bỏ ra để tiến hành đầu tư tại nước (nơi) sở tại.

c. Tốc độ tăng của vốn đầu tư được thu hút

Tốc độ tăng của vốn đầu tư thu hút hiển thị mức độ gia tăng của lượng vốn qua các năm trước và nó được biểu hiện giá trị gia tăng trên tổng số vốn đầu tư của năm trước.

d. Cơ cấu vốn đầu tư

Cơ cấu vốn đầu tư được phân thành 2 loại là cơ cấu theo ngành nghề đầu tư và cơ cấu hình thành theo nguồn đầu tư.

e. Vốn đầu tư được thực hiện

Tổng số vốn FDI thực hiện trong kỳ: Tổng số vốn FDI thực hiện trong kỳ càng tăng kết quả thu hút vốn FDI càng tăng và ngược lại tổng số vốn FDI càng giảm thì kết quả thu hút FDI càng giảm.

f. Nguồn vốn đầu tư được thu hút

Nguồn vốn đầu tư thu hút là nguồn vốn đầu của các quốc gia khác nhau đầu tư tại nước Sở tại. Nguồn vốn này dùng để phát triển kinh tế-xã hội của một quốc gia. Thông qua, nguồn vốn đầu tư Việt Nam xác định được nhà đầu tư tiềm năng để thu hút vốn đầu tư trực tiếp nước ngoài.

1.2.2. Các chính sách thu hút vốn đầu tư trực tiếp nước ngoài

a. Thu hút bằng chính sách tạo môi trường đầu tư hấp dẫn

Môi trường đầu tư là tổng thể các yếu tố chính trị, kinh tế, xã hội có tác động qua lại lẫn nhau và chi phối mạnh mẽ đến khả năng bảo toàn vốn và khả năng sinh lời của vốn đầu tư.

Vì vậy, Chính phủ Việt Nam tổ chức tạo lập môi trường đầu tư hấp dẫn đối với các nhà đầu tư nước ngoài:

Ổn định chính trị, ổn định các chính sách kinh tế vĩ mô, chính sách đất đai, giải phóng mặt bằng, cải cách thủ tục hành chính, chính sách đào tạo nguồn nhân lực, hoàn thiện chính sách lao động và tiền lương, chính sách công nghệ .

b. Thu hút bằng các chính sách khuyến khích và ưu đãi đầu tư

- Xây dựng và thực hiện cơ chế, chính sách khuyến khích để thu

hút các dự án đầu tư hình thành mạng lưới liên kết sản xuất, kinh doanh, các ngành công nghiệp hỗ trợ để hình thành chuỗi giá trị. Có chính sách thu hút công ty đa quốc gia, có chính sách ưu đãi đối với các công ty đa quốc gia, liên kết với các doanh nghiệp trong nước về tiêu thụ, cung ứng sản phẩm để hình thành các cụm công nghiệp - dịch vụ.

- Chính phủ có các chính sách quy định ưu đãi về thuế, phí, đất đai, quản lý ngoại hối như thuế thu nhập doanh nghiệp thấp và miễn thuế nhập khẩu, cho phép nhiều hình thức đầu tư, xoá bỏ kiểm soát ngoại hối, thực hiện hệ thống một giá và mở rộng ngành đầu tư cho các dự án FDI... để thu hút, khuyến khích đầu tư nhiều hơn vào lĩnh vực sản xuất, chế biến sử dụng đầu vào trong nước thay vì nhập khẩu, gia công, lắp ráp, chú trọng vào kinh doanh thương mại, nhất là tại thị trường nội địa. Tăng cường thu hút đầu tư nước ngoài vào các vùng khó khăn, vùng sâu, vùng xa.

- Chính phủ thực hiện các chính sách khuyến khích FDI như: chính sách thương mại, chính sách tài chính tiền tệ, chính sách tài khoá, chính sách về lao động, môi trường, đất đai...

Ngoài ra, Chính phủ còn có thể tạo ra ưu đãi tài chính với nhiều hình thức phong phú khác nhau để khuyến khích các nhà đầu tư như hỗ trợ tài chính đối với các dự án FDI, cho vay ưu đãi, cho vay luân chuyển ở các dự án khuyến khích đầu tư, bảo lãnh cho vay vốn trong những trường hợp cấp bách và cần thiết đối với nhà đầu tư.

c. Thu hút bằng các chính sách xúc tiến đầu tư

Hoạt động xúc tiến đầu tư là một trong những giải pháp quan trọng để nhà đầu tư tìm những chính sách tiềm năng tại các nước tiếp nhận đầu tư:

- Xây dựng tài liệu và các phương tiện phục vụ công tác thông tin quảng bá hình ảnh, tìm năng và môi trường đầu tư như Catalogue, đĩa CD, phim tư liệu, quà lưu niệm.

- Tổ chức hiệu quả các cuộc hội thảo ở trong nước và nước ngoài.

- Phối hợp với các cơ quan chức năng tổ chức tập huấn nâng cao năng lực công tác xúc tiến đầu tư.

- Hình thành quỹ xúc tiến đầu tư.
- Nâng cao chất lượng xúc tiến đầu tư của các địa phương.

1.3. CÁC NHÂN TỐ ẢNH HƯỞNG ĐẾN THU HÚT VỐN ĐẦU TƯ TRỰC TIẾP NƯỚC NGOÀI.

- 1.3.1. Điều kiện tự nhiên.
- 1.3.2. Điều kiện kinh tế.
- 1.3.3. Điều kiện chính trị-xã hội.

1.4. KINH NGHIỆM THU HÚT FDI CỦA MỘT SỐ ĐỊA PHƯƠNG

CHƯƠNG 2

THỰC TRẠNG THU HÚT ĐẦU TƯ TRỰC TIẾP NƯỚC NGOÀI CỦA TỈNH QUẢNG NGÃI GIAI ĐOẠN 2001-2010

2.1. ĐẶC ĐIỂM VỀ ĐIỀU KIỆN TỰ NHIÊN, KINH TẾ, XÃ HỘI CÓ ẢNH HƯỞNG ĐẾN THU HÚT FDI Ở TỈNH QUẢNG NGÃI

2.1.1. Đặc điểm tự nhiên

Quảng Ngãi nằm ở vị trí địa lý và điều kiện tự nhiên thuận lợi có hệ thống giao thông đường bộ, sắt Bắc Nam, có cảng nước sâu Dung Quất là một trong những cửa ngõ thông ra biển Đông của khu vực Nam Trung Bộ và Tây Nguyên, tạo cho Quảng Ngãi có nhiều thuận lợi phát triển kinh tế hàng hoá, mở rộng quan hệ kinh tế cả nước và quốc tế, hình thành Trung tâm kinh tế khu vực miền Trung. Tài nguyên đất, tài nguyên nước và thủy năng, tài nguyên biển và ven biển, tài nguyên rừng phong phú. Đặc biệt, nguồn tài nguyên khoáng sản tuy không đa dạng, phong phú về chuẩn loại nhưng trữ lượng tương đối lớn, có ý nghĩa quan trọng trong chiến lược phát triển kinh tế- xã hội của tỉnh trong giai đoạn thực hiện CNH-HĐH.

2.1.2. Đặc điểm kinh tế, xã hội

Quảng Ngãi là tỉnh có điểm xuất phát về kinh tế thấp, song được Trung ương quan tâm đầu tư, cộng với sự nỗ lực, cố gắng của Đảng bộ và nhân dân tỉnh Quảng Ngãi, nhờ đó đã gặt hái được nhiều thành công trong xây dựng và phát triển kinh tế-xã hội.

Năm 2010, Tổng sản phẩm trên địa bàn trong tỉnh (theo giá cố định 1994) đạt 8.757,205 tỷ VNĐ, tốc độ tăng trưởng GDP giai đoạn 2001-

2010 bình quân đạt 14,47%/năm, cơ cấu kinh tế từng bước chuyển dịch theo hướng tăng tỷ trọng công nghiệp, giảm tỷ trọng nông nghiệp, GDP bình quân đầu người đạt 1.288 SD/người/năm, tổng thu ngân sách trên địa bàn là 14.500 tỷ đồng, kim ngạch xuất khẩu năm 2010 đạt 207,045 triệu USD, dân số trung bình toàn tỉnh là 1.218.621 người.

2.2. THỰC TRẠNG THU HÚT FDI Ở TỈNH QUẢNG NGÃI GIAI ĐOẠN 2001 - 2010

2.2.1. Thực trạng về kết quả thu hút vốn đầu tư trực tiếp nước ngoài tại Quảng Ngãi

a. Số lượng dự án đầu tư

Bảng 2.1. Số lượng dự án FDI đăng ký trên địa bàn tỉnh Quảng Ngãi (tính đến 31/12/2010)

Năm	1995	2003	2004	2005	2006	2007	2008	2009	2010	Tổng
Số dự án	1	1	1	1	5	5	4	3	5	26
Tốc độ tăng, giảm (%)		0	0	0	400	0	-20	-25	-67	

Nguồn: Sở kế hoạch và Đầu tư Quảng Ngãi

Qua số liệu ở bảng 2.1 cho thấy giai đoạn 1996-2000, không có 1 dự án FDI nào đầu tư vào Tỉnh. Nguyên nhân của thực trạng này, một phần là do những yếu kém của nền kinh tế Tỉnh. Mặt khác, cuộc khủng hoảng tài chính khu vực bắt đầu từ tháng 7/1997 đã ảnh hưởng làm dòng vốn ĐTNN vào Việt Nam giảm sút, do chính sách của một số nước trong khu vực tạm thời ngưng đầu tư ra nước ngoài để củng cố nền kinh tế của mình. Đồng thời, bản thân các nhà đầu tư cũng phải tự giải quyết khó khăn của mình, Quảng Ngãi cũng không nằm ngoài vòng xoáy giảm sút ấy.

Giai đoạn 2001-2004, có 03 dự án FDI được cấp phép nhưng 02 dự án chậm triển khai và hoạt động không hiệu quả nên đã đều rút giấy phép trước thời hạn đến năm 2005 thì chuyển đổi hình thức liên doanh sang hình thức đầu tư 100% vốn trong nước. Trong năm 2005 tỉnh chỉ thu hút được 1 dự án đầu tư.

Năm 2006 là năm đánh dấu sự phát triển đột phá đi lên của Khu Kinh tế Dung Quất để hoàn thiện hệ thống kỹ thuật, cũng là năm thu hút nhiều sự quan tâm của các nhà đầu tư nước ngoài đến tìm cơ hội đầu tư.

Trong năm này Quảng Ngãi đã có thêm 5 dự án đầu tư với tốc tăng của dự án là 400% so với năm 2005.

Giai đoạn năm 2007-2010, đây có thể coi là giai đoạn hoàn kim của tỉnh Quảng Ngãi trong việc thu hút vốn FDI. Tổng số dự án thu hút được là 17 dự án. Nó nói lên chính sách thu hút vốn FDI những năm này đạt hiệu quả cao, mặc dù năm 2007-2008 tình hình kinh tế Việt Nam rơi vào tình trạng lạm phát.

b. Qui mô vốn đầu tư

Qui mô các dự án ĐTTTNN tại địa bàn tỉnh Quảng Ngãi bình quân ở các năm hầu như cũng chính là quy mô của một dự án trong năm vì giai đoạn 1995 – 2000, có đến 5 năm mà mỗi năm chỉ cấp phép được 1 dự án còn hiệu lực hoạt động đến ngày nay và có 2 năm 2001, 2002 không có dự án nào được cấp phép còn hiệu lực và để thấy rõ hơn tình hình về qui mô các dự án, sẽ đối chiếu với quy mô bình quân của dự án ĐTTTNN tại Việt Nam cùng thời điểm các năm để từ đó thấy rõ nét thực trạng ĐTTTNN tại địa bàn tỉnh Quảng Ngãi trong bối cảnh chung của cả nước.

Qui mô dự án ở các năm đầu khi Luật ĐTNN ra đời: từ năm 1995-2000 đạt quy mô nhỏ chỉ có 900 ngàn USD và đều thấp hơn so với quy mô bình quân của cả nước. Qui mô vốn trung bình của một dự án tăng dần qua các năm. Điều này được thể hiện qua số liệu ở bảng 2.2.

Bảng 2.2. Quy mô dự án FDI trên địa bàn Quảng Ngãi

Giai đoạn	Số dự án	Vốn đầu tư đăng ký (1000 USD)	Qui mô vốn trung bình (1000USD/dự án)
Năm 1995-2000	1	900	900
Năm 2001-2005	3	8.780	2.926
Năm 2006-2009	17	3.975.873	233.874
Năm 2010	5	369.800	73.960
Cộng 1995-2010	26	4.355.353	167.513

Nguồn: Sở Kế hoạch Đầu tư Quảng Ngãi

Thời kì 2001-2005: môi trường đầu tư của Tỉnh được cải thiện đáng kể, công tác vận động thu hút đầu tư được đẩy mạnh. Trung tâm xúc tiến đầu tư Quảng Ngãi được thành lập và đi vào hoạt động cùng với tỉnh Quảng Ngãi ban hành những chính sách ưu đãi, khuyến khích đầu tư thông thoáng, nên hoạt động thu hút vốn FDI tại tỉnh Quảng Ngãi có những bước chuyển biến tích cực như trên. Cho nên từ năm 2001-2005 thu hút được 3 dự án với quy mô vốn đầu tư đăng ký và đạt: 2.926 ngàn USD.

Trong 4 năm 2006-2009 cùng với cả nước, tình hình thu hút FDI ở Quảng Ngãi tiếp tục chuyển biến đáng kể, thu hút 17 dự án với tổng số vốn đầu tư đăng ký 3.975.873 ngàn USD, quy mô vốn trung bình đạt 233.874 ngàn USD/ dự án, tăng gấp 79 lần so với các thời kỳ trước (bảng 2.5). Tính đến năm 2010, tỉnh Quảng Ngãi có 26 dự án được cấp giấy chứng nhận đầu tư với tổng số vốn đăng ký 4.355.353 ngàn USD. Thời kì 2001 -2010 là giai đoạn Quảng Ngãi bắt đầu thu hút vốn đầu tư trực tiếp nước ngoài vào Quảng Ngãi.

c. Cơ cấu đầu tư theo ngành

Đầu tư trực nước ngoài trên địa bàn Quảng Ngãi giai đoạn 2001–2010 theo ngành kinh tế được thể hiện qua số liệu bảng 2.3.

Bảng 2.3. Số dự án FDI phân theo ngành kinh tế ở Quảng Ngãi giai đoạn 2001-2010

Ngành kinh tế	Số dự án		Vốn đầu tư đăng ký		Vốn thực hiện	
	Số lượng	Cơ cấu (%)	Số tiền (1000USD)	Cơ cấu (%)	Số tiền (1000USD)	Cơ cấu (%)
1.C.nghiệp	17	68,00	4.325.930	99,36	405.555	93,99
2.Dịch vụ	8	32,00	28.523	0,64	25.925	6,01
3.N.nghiệp						
Tổng cộng	25	100	4.353.453	100	431.480	100

Nguồn: Sở kế hoạch đầu tư Quảng Ngãi

Đầu tư trực nước ngoài trên địa bàn Quảng Ngãi giai đoạn 2001–2010 chủ yếu là tập trung vào các ngành công nghiệp kể cả số lượng dự án, số vốn đầu tư đăng ký và thực hiện vốn đầu tư. Về số lượng chiếm 17 dự

án, đạt tỷ lệ 68% trên tổng số dự án, vốn đầu tư đăng ký chiếm 99,36% trên tổng vốn đầu tư các dự án và thực hiện vốn đầu tư của các dự án ngành công nghiệp chiếm 93,99% trên tổng vốn thực hiện của các dự án.

Ngành thu hút FDI đứng sau công nghiệp là dịch vụ, nhưng chênh lệch khá lớn, số dự án chỉ có 7 dự án, chiếm 0,64% về cơ cấu số dự án, vốn đầu tư đăng ký 28.523 ngàn USD, chiếm 32% trên tổng vốn đầu tư các dự án FDI tại Quảng Ngãi. Ngành nông nghiệp của các dự án FDI địa phương không có dự án nào được đầu tư vào địa phương.

d. Về hình thức đầu tư trực tiếp nước ngoài

Hình thức FDI tại địa bàn Quảng Ngãi chủ yếu là hình thức 100% vốn nước ngoài với 22 dự án, chiếm tỷ lệ 88% trên tổng số dự án, vốn đầu tư đăng ký đạt tỷ lệ 85,52% trên tổng vốn đầu tư đăng ký của 25 dự án còn hiệu lực và vốn thực hiện của các dự án 100% vốn nước ngoài là 87,19% trên tổng vốn thực hiện. Hình thức 100% vốn nước ngoài ngày càng có xu thế mở rộng tại Quảng Ngãi.

Bảng 2.4. Cơ cấu đầu tư FDI phân theo hình thức đầu tư của Quảng Ngãi thời kỳ 2001-2010

Hình thức đầu tư	Số dự án		Vốn đăng ký		Vốn thực hiện	
	Số lượng	Cơ cấu (%)	Số tiền (USD)	Cơ cấu (%)	Số tiền (USD)	Cơ cấu (%)
1. Liên doanh	2	8	345.000	7,92	30.000	6,95
2. 100% vốn nước ngoài	22	88	3.723.303	85,52	376.208	87,19
3. HĐHT kinh doanh	1	4	285.150	6,56	25.272	5,86
Tổng cộng	25	100	4.353.453	100	431.480	100

Nguồn: Sở Kế hoạch và Đầu tư Quảng Ngãi

Lý do mà nhà đầu tư nước ngoài chọn hình thức đầu tư là 100% vốn nước ngoài là vì xu thế nước ta ngày càng cải thiện thủ tục hành chính đáng kể, các loại hình doanh nghiệp ngày càng bình đẳng với nhau trên thương trường hơn, Luật có xu hướng không phân biệt đối xử trong nước và nước ngoài nữa, nhà ĐTNN không muốn chia sẻ quyền điều hành cho các đối tác,

đối tác trong nước không đáp ứng được yêu cầu của nhà ĐTNN.

Hình thức FDI tại Quảng Ngãi được chọn kế tiếp là hình thức liên doanh chiếm 2 dự án, đạt 8%. Vốn thực hiện theo hình thức liên doanh chỉ đạt tỷ lệ 6,95% trên tổng vốn thực hiện. Hình thức liên doanh được địa phương rất quan tâm vì đối với một số dự án nhất thiết cần phải có đối tác trong nước như những dự án mang tính chiến lược, mang tính định hướng, đầu tàu và có ảnh hưởng lớn đến tình hình kinh tế xã hội địa phương. Tuy nhiên, nhà ĐTNN ít lựa chọn hình thức này.

Hình thức hợp đồng hợp tác kinh doanh chỉ có 1 dự án, đạt tỷ lệ 4% nhưng vốn đăng ký quá nhỏ nên vốn đầu tư đăng ký của dự án này so với tổng số chỉ đạt 6,56%. Ngoài ra trên địa bàn Quảng Ngãi chưa có dự án nào được thực hiện bằng hình thức BOT, BTO, BT. Đây cũng là vấn đề mà địa phương cần quan tâm và có thể tiến hành thí điểm một vài dự án phù hợp trong thời gian tới.

e. Nguồn vốn đầu tư vào Quảng Ngãi

Trong các dự án FDI tại Quảng Ngãi thì đối tác đầu tư đến từ 8 quốc gia, vùng lãnh thổ, trong đó đến từ Châu Á 5 quốc gia, vùng lãnh thổ, từ Châu Âu 1 quốc gia, và Châu Úc 1 quốc gia. Trong đó, Hàn Quốc là quốc gia có nhiều dự án nhất với 12 dự án, đạt tỷ lệ về cơ cấu số dự án 48% trên tổng số dự án đăng ký còn hiệu lực, kể đến là Trung Quốc có 4 dự án chiếm tỷ lệ về cơ cấu dự án là 16%.

f. Vốn đầu tư được thực hiện

Tình hình thực hiện vốn đầu tư giai đoạn 2001-2010 ở địa bàn tỉnh Quảng Ngãi cho thấy vốn đăng ký khá lớn nhưng vốn thực hiện vẫn thấp hơn bình quân chung của cả nước. Điều này đã chứng minh được kết quả thu hút vốn FDI chưa đạt so với những lợi thế của Tỉnh.

2.2.2. Thực trạng về các chính sách thu hút vốn đầu tư trực tiếp nước ngoài

a. Thực trạng các chính sách tạo môi trường đầu tư hấp dẫn

❖ Chính sách đất đai, giải phóng mặt bằng

Hiện nay, ở Quảng Ngãi vấn đề chính sách đất đai, đền bù, giải tỏa đang là một vấn đề nổi cộm và là một sức cản lớn trong việc thu hút FDI.

Do tình trạng “phép vua, lệ làng” trong việc thực hiện các qui định về đất đai áp dụng đối với các dự án có vốn đầu tư FDI. Đồng thời tỉnh chưa có khung giá thống nhất trong việc đền bù đất cũng như quy hoạch chưa hợp lý nên nhiều dự án có vốn FDI mặc dù đã được phê duyệt nhưng vẫn không triển khai thực hiện được, gây nhiều tranh chấp không đáng có, làm mất lòng tin cho nhà đầu tư nước ngoài.

❖ Về thủ tục hành chính trong thu hút đầu tư trực tiếp nước ngoài

- Thủ tục hành chính liên quan đến đầu tư nước ngoài trong một số trường hợp chậm chạp, thiếu dân chủ và thủ tục hành chính liên quan đến đầu tư nước ngoài chưa làm rõ trách nhiệm cá nhân công chức gây chậm trễ cấp phép đầu tư.

- Quảng Ngãi chưa thực hiện cơ chế “một cửa liên thông” trong việc giải quyết thủ tục đối với dự án đầu tư nước ngoài, cho nên gây khó khăn trong việc làm các thủ tục hành chính rườm rà, tốn rất nhiều chi phí và thời gian của nhà đầu tư.

❖ Đào tạo nguồn nhân lực

Một điểm mạnh của môi trường đầu tư tỉnh Quảng Ngãi là nguồn lực lượng lao động phổ thông. Tuy nhiên, tay nghề của lao động phổ thông được đánh giá là tốt nhưng chất lượng nguồn lao động trình độ cao còn ít. Vì vậy, để phát triển, tạo nguồn nhân lực, tỉnh đã giao Trường Đại học Phạm Văn Đồng phối hợp với các trường đại học khác đào tạo Thạc sỹ một số chuyên ngành, xây dựng, phát triển các trường đào tạo nghề trên địa bàn tỉnh và khu kinh tế Dung Quất.

❖ Về cơ sở hạ tầng .

Trong thời gian qua, Quảng Ngãi tập trung phát triển cơ sở hạ tầng, giao thông, khu đô thị mới, hệ thống điện nước...tuy nhiên, diện mạo của tỉnh vẫn chưa có sự thay đổi đáng kể. Chất lượng công trình kém và nhanh chóng xuống cấp do sự thất thoát trong đầu tư còn lớn.

Chi phí kinh doanh tại Quảng Ngãi cũng ở mức cao, tuy nhiên đây là mức chi mà các nhà đầu tư có thể chấp nhận được. Các khoản chi phí mà nhà đầu tư cho là ở mức cao như chi phí thuê cơ sở hạ tầng, chi phí vận tải (đặc biệt là vận chuyển container, đường thủy...).

❖ Chính sách công nghệ

- Kênh chuyên giao và phổ biến công nghệ giữa doanh nghiệp FDI và doanh nghiệp trong nước cũng không có hoặc ít diễn ra. Cho đến nay, Quảng Ngãi chưa có được nhiều dự án chất lượng cao về công nghệ, về qui mô kinh tế, về tính bền vững, về năng lực cạnh tranh quốc tế và khả năng kết nối với chuỗi giá trị toàn cầu để tạo nên năng lực và lợi thế cạnh tranh mới cho nền kinh tế.

- Quảng Ngãi chưa thu hút các dự án đầu tư vào những ngành công nghệ cao như điện tử, tin học, sinh học... do chính sách thu hút FDI của tỉnh chưa hướng trọng tâm vào những nền kinh tế tiên tiến nhất, những công ty hàng đầu trong lĩnh vực cần quan tâm mà còn dàn trải, nặng về thu hút tối đa số lượng dự án và số vốn cam kết từ mọi nguồn. Cũng có thể là do năng lực của tỉnh ta còn hạn chế, từ việc hiểu biết và cách chơi với nhà đầu tư lớn, đến khả năng chọn lựa, thẩm định các đối tác FDI.

b. Thực trạng của các chính sách khuyến khích và ưu đãi đầu tư

❖ Thực trạng về chính sách thuế

Chính sách thuế cho các doanh nghiệp FDI còn nhiều điểm chưa hợp lý. Chẳng hạn như thuế nhập khẩu nguyên liệu đầu vào trong nước chưa sản xuất được làm cho giá cả những mặt hàng này cao hơn mặt bằng giá chung làm tăng thêm chi phí đầu vào và giảm sức cạnh tranh của các doanh nghiệp FDI. Ngoài ra thay đổi thuế không được báo trước nên nhiều doanh nghiệp FDI rơi vào tình thế khó khăn.

❖ Thực trạng về chính sách tài chính- tín dụng

Gần đây, nhà nước thống nhất lãi suất trần không phân biệt thành phần kinh tế, mở rộng các hình thức thế chấp (như được thế chấp tài sản hình thành từ nguồn vốn vay), cầm cố, bảo lãnh tài sản vay vốn ngân hàng, đồng thời mở rộng hình thức tín chấp. Nhà đầu tư được mua ngoại tệ tại tổ chức tín dụng được kinh doanh ngoại tệ để đáp ứng cho nhu cầu giao dịch vãng lai, giao dịch vốn và các giao dịch khác theo qui định của pháp luật về quản lý ngoại hối. Tuy nhiên, các thủ tục cho vay còn phức tạp. Ngoài việc xem xét kế hoạch kinh doanh, ngân hàng còn đòi hỏi thế chấp một cách cứng nhắc cho mọi khoản cho vay và tỷ lệ cho vay trên giá trị tài sản rất thấp. Các qui định về khấu hao chưa được thông thoáng,

các chi phí được khấu trừ thuế thu nhập chịu thuế chưa phù hợp cũng đang là một trở ngại lớn cho hoạt động đầu tư của doanh nghiệp FDI.

c. Thực trạng của các chính sách xúc tiến đầu tư

Thời gian qua, mặc dù có nhiều nỗ lực nhất định trong hoạt động xúc tiến đầu tư nhưng hoạt động này diễn ra hết sức tản mạn, không hiệu quả và thiếu chính sách nhất quán và đồng bộ. Công tác xây dựng hình ảnh chỉ tập trung thông qua phái đoàn, thông tin cung cấp lại trùng lặp, không đầy đủ chưa xây dựng hình ảnh của địa phương qua nhiều kênh và hình thức thu hút khác nhau. Mạng lưới văn phòng xúc tiến chưa dàn trải đều, nội dung đơn điệu, ngân sách hoạt động thiếu thốn, không có cơ sở kết nối nhà đầu tư trong nước và nước ngoài, mạng lưới văn phòng đại diện tại nước ngoài chưa có ảnh hưởng nhiều đến hiệu quả của hoạt động thu hút, dịch vụ tư vấn đầu tư, hỗ trợ cấp phép, giải quyết vướng mắc... rất yếu và tồn kém gây lãng phí thời gian của nhà đầu tư.

2.2.3. Tác động của thu hút FDI đến phát triển kinh tế - xã hội của tỉnh Quảng Ngãi giai đoạn 2001-2010

2.2.4. Những tồn tại trong thu hút vốn đầu tư FDI và nguyên nhân

a. Những tồn tại chủ yếu

Quảng Ngãi chưa là điểm đến của các nhà đầu tư tiềm năng là do tồn tại một số vấn đề như sau: công tác bồi thường, giải phóng mặt bằng không nhất quán, biện pháp chưa kiên quyết và dứt điểm, dễ gây tình trạng dây dưa làm ảnh hưởng đến thời cơ và hiệu quả của nhà đầu tư. Thủ tục thủ tục hành chính vẫn còn rườm rà, chưa thực hiện mô hình “một cửa liên thông” trong giải quyết thủ tục hành chính để cấp phép đầu tư. Công tác quy hoạch trong thu hút FDI của tỉnh Quảng Ngãi chưa thực sự hiệu quả, chưa xây dựng một hình tượng đẹp và quảng bá hình tượng của địa phương cho các nhà đầu tư nước ngoài. Cơ sở, kết cấu hạ tầng còn nhiều hạn chế và yếu kém.

Chất lượng nguồn lao động chưa đáp ứng được yêu cầu của các doanh nghiệp FDI. Hoạt động xúc tiến đầu tư chưa được chú trọng, ô nhiễm môi trường.

b. Những nguyên nhân của tồn tại

- Vì thực hiện theo chệch lệch, nghị Quyết của Đảng, Hội đồng nhân dân những qui định và những quy luật của Nhà nước đã đề ra trong một số đội ngũ cán bộ vẫn chưa thực sự nghiêm túc, việc nghiên cứu thẩm nhàn Nghị quyết. Chệch lệch và các qui định trong công việc của mình vẫn chưa am hiểu một cách sâu sắc, trong thời gian tổ chức thực hiện cũng không dứt khoát, coi thường vấn đề, còn có tình hưởng lợi dụng và tình hưởng thực hiện con đường sai lầm.

- Việc phối hợp giữa các Bộ, các ngành, giữa trung ương và địa phương tổ chức thực hiện chính sách thu hút đầu tư trực tiếp nước ngoài vẫn chưa tương ứng mạnh mẽ và việc phối hợp trong sự giúp đỡ của nước ngoài về vốn đầu tư chưa thật sự hoà hợp và chưa thích hợp với thực tiễn

- Hệ thống thông tin dữ liệu về kinh tế-xã hội còn rất yếu kém, vẫn chưa cung cấp kịp thời như thông tin về thống kê...

- Thiếu sự công bằng trong việc đầu tư giữa công tác xây dựng cơ sở hạ tầng và công tác khuyến khích đầu tư sản xuất những sản phẩm để có thể tăng thu nhập cho nhân dân.

- Trong việc phát triển nguồn nhân lực vẫn chưa được cân đối với việc phát triển ngành kinh tế, vì vậy làm cho trình độ của những người lao động bị yếu kém và thậm chí lại không có tay nghề kỹ thuật cao để làm việc.

CHƯƠNG 3

MỘT SỐ GIẢI PHÁP TĂNG CƯỜNG THU HÚT VỐN ĐẦU TƯ TRỰC TIẾP NƯỚC NGOÀI VÀO TỈNH QUẢNG NGÃI GIAI ĐOẠN 2011-2020

3.1. NHỮNG CĂN CỨ ĐỀ XUẤT GIẢI PHÁP THU HÚT FDI CỦA TỈNH QUẢNG NGÃI GIAI ĐOẠN 2011 - 2020

3.1.1. Dự báo sự biến động của môi trường vĩ mô ảnh hưởng đến việc thu hút đầu tư trực tiếp nước ngoài

3.1.2. Chiến lược phát triển kinh tế của tỉnh Quảng Ngãi những năm đến

Chủ trương đường lối chiến lược tổng thể phát triển kinh tế - xã hội của tỉnh Quảng Ngãi đến năm 2020 được Thủ tướng Chính phủ phê

duyet tại Quyết định số 2052/QĐ-TTg ngày 10/11/2010 với mục tiêu tổng thể phát triển công nghiệp nặng thực sự trở thành một ngành kinh tế quan trọng trong cơ cấu kinh tế của tỉnh và hướng đến phát triển nền công nghiệp bền vững, Tỉnh đưa ra phương hướng phát triển tổ chức lãnh thổ ngành công nghiệp và tập trung đầu tư vào các khu công nghiệp trọng điểm tại khu vực miền Trung.

3.1.3. Quan điểm khi xây dựng giải pháp

Quan điểm thu hút FDI của tỉnh: duy trì nhất quán, ổn định, lâu dài chính sách thu hút các nguồn lực bên ngoài, nhất là nguồn vốn FDI.

- Coi trọng việc tạo điều kiện thuận lợi và bình đẳng tối đa cho các nhà ĐTNN.

Kết hợp chặt chẽ dòng vốn FDI với các nguồn vốn đầu tư phát triển khác, nhất là vốn trong nước. Thu hút FDI càng nhiều càng tốt, nhưng không thu hút bằng mọi giá, mà gắn với quy hoạch, với mục tiêu chuyển dịch cơ cấu kinh tế theo hướng CNH- HĐH. Tiếp tục phát huy những lợi thế so sánh, nâng cao sức cạnh tranh và hiệu quả nền kinh tế của tỉnh, bảo đảm sự kết hợp hài hoà giữa phát triển kinh tế, phát triển xã hội và bảo vệ môi trường. Đa dạng hoá cơ cấu nguồn vốn FDI và các hình thức ĐTNN.

3.2. GIẢI PHÁP TĂNG CƯỜNG THU HÚT FDI VÀO TỈNH QUẢNG NGÃI

3.2.1. Hoàn thiện môi trường đầu tư

a. Tạo môi trường chính trị - xã hội ổn định

Tổ chức tư vấn rủi ro về kinh tế và chính trị (PERC) đã tiến hành khảo sát về sự an toàn của môi trường đầu tư ở khu vực Châu Á - Thái Bình Dương và đưa ra kết quả: Việt Nam là nơi an toàn nhất cho ĐTNN. Cho nên, môi trường chính trị - xã hội muốn đề cập ở đây là ở các khía cạnh khác như: sự ủng hộ của quần chúng, của các tổ chức kinh tế xã hội và của quốc tế đối với địa phương trong việc phát triển vốn FDI, ý thức của người dân về hoạt động của khu vực FDI trên địa bàn.

b. Hoàn thiện chính sách đất đai, giải phóng mặt bằng

- Phối hợp với UBND huyện Bình Sơn, thành phố Quảng Ngãi và

một số Sở Ban ngành liên quan nhằm hoàn thiện mô hình, quy chế phối hợp tổ chức giải phóng mặt bằng, hỗ trợ tái định cư một cách cụ thể từ khâu quy hoạch, công bố quy hoạch, quản lý quy hoạch, xây dựng khu tái định cư, bồi thường giải phóng mặt bằng... trên cơ sở gắn kết trách nhiệm rõ ràng của mỗi đơn vị liên để trình UBND tỉnh Quảng Ngãi phê duyệt thực hiện.

- Việc đầu tư xây dựng hạ tầng, hoàn chỉnh các khu tái định cư cần được chú trọng thực hiện “đi trước một bước”, theo hướng vừa giải quyết tái định cư cho các dự án FDI đã cấp phép vừa giải quyết “tái định cư dự phòng” để khi có dự án mới là có mặt bằng ngay.

- Có những biện pháp kịp thời và nghiêm khắc đối với những trường hợp làm trái pháp luật về đất đai, gây phiền hà cản trở việc đền bù, giải phóng mặt bằng.

- Công tác giải phóng mặt bằng, tái định cư tại KKT Dung Quất, KCN Quảng Phú, Tịnh Phong, Phổ Phong trên địa bàn tỉnh thời gian đến cần đặc biệt quan tâm đến lợi ích, ổn định cuộc sống của các hộ dân bị thu hồi đất sản xuất.

- Đối với người dân bị thu hồi đất thuộc đối tượng được bồi thường, tỉnh cần có các khoản hỗ trợ về di chuyển, trợ cấp ổn định cuộc sống, hỗ trợ về đào tạo nghề và hướng nghiệp cho nông dân bị mất hoàn toàn ruộng canh tác, hỗ trợ tạm trú di chuyển khi chưa xây dựng được nhà ở, thường cho hộ tự giải phóng xong mặt bằng trước thời hạn và có đóng góp cho việc vận động những người xung quanh mình thực hiện...

- Công tác giải phóng mặt bằng, hỗ trợ tái định cư cần được giải quyết dứt điểm đối với từng dự án FDI (nhất là trong các khâu thu hồi đất, hỗ trợ tiền thuê nhà, bàn giao quyền sử dụng đất cho các hộ tái định cư...), không để tồn đọng kéo dài, gây phức tạp. Cần làm rõ nguyên nhân và biện pháp tháo gỡ kịp thời những vướng mắc, đẩy nhanh tiến độ giải phóng mặt bằng, tạo “quỹ đất sạch” để bàn giao kịp thời cho các nhà đầu tư.

c. Cải cách thủ tục hành chính

- Hoàn thiện quy chế, xây dựng qui trình thủ tục chuẩn, nguyên tắc hoạt động quyền hạn và trách nhiệm của các sở ban ngành có liên quan trong giải

quyết thủ tục hành chính theo đúng quyết định của UBND tỉnh ban hành.

- Thực hiện mô hình “một cửa liên thông” trong thủ tục cấp đầu tư tại Trung tâm xúc tiến đầu tư Quảng Ngãi.

- Xây dựng và thực hiện mọi loại thủ tục hải quan theo hướng đơn giản, phù hợp với các tiêu chuẩn và tập quán quốc tế. Hiện đại hoá phương thức thực hiện các thủ tục hải quan dựa trên những phương tiện kỹ thuật hiện đại, tránh gây phiền hà cho các doanh nghiệp.

- Tăng cường trang bị, cơ sở vật chất-kỹ thuật, phương tiện, thiết bị, đặc biệt là các thiết bị và công nghệ thông tin cho các cơ quan quản lý Nhà nước trong các doanh nghiệp có vốn FDI.

d. Gia tăng số lượng và nâng cao chất lượng nguồn nhân lực

Để có thể cung cấp một lực lượng lao động có trình độ tay nghề đáp ứng được yêu cầu của nhà đầu tư, tỉnh Quảng Ngãi cần phải xây dựng và thực hiện tốt chiến lược đào tạo nghề dài hạn, có chính sách khuyến khích và thu hút các nhà khoa học và lao động lành nghề của các tỉnh bạn, các cơ sở giáo dục, đào tạo, dạy nghề của Tỉnh cần đổi mới phương pháp dạy, phương pháp giáo dục nhằm phát huy tính chủ động, sáng tạo, tự học của người học. Quy hoạch mạng lưới đào tạo nghề, mở các trường đào tạo nghề chất lượng cao trên địa bàn và xây dựng chương trình, nội dung đào tạo sát với thực tế, thực hiện đào tạo theo yêu cầu của các nhà đầu tư.

e. Phát triển kết cấu cơ sở hạ tầng

- Tiến hành tổng rà soát, điều chỉnh, phê duyệt và công bố các quy hoạch về kết cấu hạ tầng đến năm 2020 làm cơ sở thu hút đầu tư phát triển kết cấu hạ tầng. Tăng cường công tác quy hoạch, thực thi các quy hoạch cũng như thu hút đầu tư vào các công trình giao thông, điện, thông tin, hệ thống xử lý nước thải...

- Tranh thủ tối đa các nguồn lực để đầu tư phát triển kết cấu hạ tầng: nguồn vốn đầu tư từ ngân sách nhà nước và nguồn vốn ngoài ngân sách nhà nước

- Tập trung nguồn vốn đầu tư hệ thống cơ sở hạ tầng quan trọng của KKT Dung Quất, các KCN, hạ tầng đô thị Vạn Tường, Quảng Ngãi

và các đô thị ven biển...

- Khuyến khích các doanh nghiệp đầu tư theo hình thức BT, BOT, BTO và các hình thức đầu tư ngoài ngân sách Nhà nước khác để thu hút mạnh vốn vào phát triển kết cấu hạ tầng, đồng thời thực hiện lồng ghép các chương trình mục tiêu và chương trình quốc gia trên từng địa bàn, ưu tiên vốn của các chương trình này cho các vùng khó khăn, vùng đồng bào các dân tộc, vùng căn cứ cách mạng.

* Riêng Khu Kinh tế Dung Quất cho phép thực hiện phương thức: Dùng quỹ đất để tạo vốn phát triển hạ tầng, huy động vốn bằng phát hành trái phiếu Chính phủ, trái phiếu công trình và vốn hỗ trợ phát triển chính thức (ODA) để đầu tư phát triển cơ sở hạ tầng KKT Dung Quất.

f. Chính sách công nghệ

- Để đạt được mục tiêu thu hút công nghệ vào tỉnh trong thời gian tới, điều đầu tiên cần phải được thực hiện là phải xây dựng một chiến lược hữu hiệu thu hút công nghệ hiện đại. Thu hút công nghệ vào những ngành kỹ thuật cao đầu tư vào nước ta có vị trí đặc biệt quan trọng như ngành công nghệ tin học, sinh học, điện tử và vi mạch điện tử, tự động hoá. Phối hợp các địa phương trong cả nước, thu hút đầu tư vào nhằm khai thác thế mạnh của từng địa phương, chủ động xây dựng các khu công nghệ cao, công nghệ sạch ở những vùng thích hợp trong địa bàn tỉnh với hệ thống qui chế rõ ràng, tạo điều kiện hấp dẫn cho các nhà đầu tư nước ngoài.

h. Chính sách lao động và tiền lương

- Hoàn thiện các loại văn bản qui định áp dụng đối với người lao động trong các dự án có vốn đầu tư nước ngoài. Các văn bản đặc biệt là chú trọng là quyết định về tuyển dụng lựa chọn lao động, chức năng của các cơ quan quản lý lao động, vấn đề đề bạt và sa thải lao động, các văn bản xử lý tranh chấp về lao động, tiền lương, thu nhập.

- Hoàn thiện bộ máy hành pháp về quản lý lao động trong các dự án có vốn đầu tư nước ngoài, thành lập phân toà lao động để xử lý tranh chấp về lao động cá nhân và lao động tập thể. Tăng cường hiệu lực của các qui định nhà nước về lao động, thoả ước lao động tập thể, các xử lý

nghiêm minh những trường hợp làm sai quyết định và trả công lao động, tính thuế lao động cho người nước ngoài.

Phát huy vai trò của tổ chức công đoàn trong doanh nghiệp. Công đoàn là người đại diện hợp pháp cho người lao động và bảo vệ quyền lợi cho người lao động tập thể. Chú trọng đào tạo cho người lao động cả trong nước và nước ngoài và nước ngoài để tiếp thu công nghệ

3.2.2. Hoàn thiện các chính sách khuyến khích và ưu đãi tài chính

a. Chính sách thuế và các ưu đãi tài chính

- Giảm thuế TNDN đối với các dự án ĐTTTNN, miễn thuế xuất nhập khẩu, thuế GTGT và thuế TTĐB cho các doanh nghiệp FDI trong KCN, KKT
- Nâng cao hiệu lực và hiệu quả của các biện pháp ưu đãi tài chính.
- Hỗ trợ bán ngoại tệ cho các doanh nghiệp có vốn đầu tư nước ngoài đang thật sự gặp khó khăn.

- Chủ động thu hút nhiều hơn nguồn vốn nước ngoài không nhất thiết phải ấn định tỷ lệ nguồn vốn, tranh thủ cho nguồn vốn phát triển.

- Kiểm soát giá cả hàng hoá, nguyên vật liệu trên địa bàn, giá cả các yếu tố đầu vào nói chung, đảm bảo ổn định, tránh có những đột biến về giá cả trên thị trường. Muốn vậy, cần áp dụng triệt để các biện pháp mà Chính phủ chỉ đạo về ổn định thị trường, kết hợp với tình hình thực tế ở địa phương.

- Đối với các dự án đầu tư tài sản cố định quy mô lớn, công nghệ tiên tiến, có tác động to lớn đến sự phát triển của tỉnh, nếu chủ đầu tư các dự án này có nhu cầu thực hiện các chính sách khấu hao nhanh, UBND tỉnh Quảng Ngãi cần tạo mọi điều kiện về thủ tục để họ thực hiện, giúp họ nhanh thu hồi vốn, tăng tốc độ tái đầu tư.

b. Chính sách tín dụng

Xây dựng cơ chế riêng về ưu đãi tín dụng đầu tư cho tỉnh phù hợp với sự thay đổi của cơ chế hiện hành, phù hợp với quá trình hội nhập kinh tế quốc tế, thực hiện tín dụng thường xuyên, quay vòng vốn, trả hơn tài khoản và tín dụng xuất khẩu (L/C) với lãi suất thấp hơn.

Các dự án phục vụ công tác giải phóng mặt bằng, xây dựng cơ sở hạ tầng, xây dựng các Khu đô thị, Khu tái định cư, KCN, KKT sẽ được

vay vốn với lãi suất ưu đãi từ Ngân hàng Phát triển Việt Nam. Đối với những dự án then chốt quyết định tính “đột phá” cho tỉnh, sẽ được tiếp cận nguồn tín dụng phát triển từ Ngân hàng Phát triển Việt Nam với cơ chế tín dụng đặc biệt ưu đãi.

3.2.3. Đẩy mạnh hoạt động xúc tiến đầu tư

a. Tăng cường Quảng bá hình ảnh của Quảng Ngãi

- Quảng Ngãi có thế mạnh về tài nguyên, thiên nhiên ưu đãi, cảnh nước sâu, giá nhân công rẻ, thị trường tiềm năng và vị thế chiến lược nhằm khai thác triệt để tiềm năng và lợi thế so sánh của Tỉnh để phát triển công nghiệp với nhịp độ cao, đặc biệt là những lợi thế có được từ Khu kinh tế Dung Quất. Đây là những yếu tố ảnh hưởng rất lớn đến quyết định đầu tư của nhà đầu tư. Hơn nữa định hướng phát triển của thành phố đến năm 2020 sẽ một trong những trung tâm đô thị-công nghiệp-dịch vụ của vùng kinh tế trọng điểm miền Trung.

+ Quảng Ngãi cần thể hiện cho các nhà đầu tư vào ngành công nghiệp, thấy được sự thuận lợi, sẵn sàng hợp tác khi các nhà đầu tư đến với Quảng Ngãi thông qua các thủ tục cấp phép đầu tư, các chính sách để nhà đầu tư phát triển lâu dài.

+ Các chính sách tạo điều kiện cho các nhà đầu tư vào ngành công nghiệp được thể hiện thông qua ý chí lãnh đạo của Chính phủ và lãnh đạo Tỉnh, từ đó các nhà đầu tư được bảo vệ, che chở, các nhà đầu tư cảm nhận được sự an toàn khi đến Quảng Ngãi đầu tư. Và những điều này sẽ cổ vũ cho các nhà đầu tư đến với ngành công nghiệp ở Quảng Ngãi.

b. Đa dạng hoá các hoạt động XTĐT

- Tiếp xúc trực tiếp giữa tỉnh với các nhà đầu tư tiềm năng, có tiềm lực mạnh về tài chính và công nghệ để xúc tiến các dự án quan trọng đã được định hướng.

- Cung cấp đầy đủ các thông tin về các dự án có tính khả thi cao cho các nhà ĐTNN

- Ứng dụng công nghệ thông tin trong công tác XTĐT như xây dựng các trang web riêng để giới thiệu cụ thể và chi tiết hơn so với hiện

nay về cơ hội đầu tư, tiềm năng, các văn bản pháp lý, quy trình thủ tục và những ưu đãi khi đầu tư vào Quảng Ngãi

- Đối với các Nhà đầu tư trong lĩnh vực công nghiệp thường sử dụng các kênh thông tin không chính thống, đó là các kênh thông tin từ tờ báo chí chuyên ngành công nghiệp. Đến với các Nhà đầu tư từ Hoa Kỳ, có thể quảng bá thông qua các tạp chí thông dụng của giới đầu tư Hoa Kỳ như Business News.

- Sử dụng chính sách marketing trực tiếp nên lựa chọn là dịch vụ gửi thư trực tiếp (Direct mail).

- Kết hợp chặt chẽ các chuyến công tác của lãnh đạo cấp cao Đảng và Nhà nước với các hoạt động xúc tiến đầu tư-thương mại-du lịch.

- Đẩy mạnh công tác xúc tiến đầu tư đối với các dự án cơ hội thông qua các dự án đã triển khai thành công và thông qua các nhà đầu tư lớn, có uy tín hiện có của tỉnh.

- Xây dựng hệ thống thông tin KT-XH, cơ sở dữ liệu hỏi đáp phục vụ XTĐT, với trang thiết bị mạng cần thiết tạo điều kiện để mọi tổ chức trong và ngoài nước dễ dàng tìm kiếm thông tin.

3.2.4. Phát triển sản xuất và dịch vụ nội địa

Thứ nhất, trong quá trình xây dựng qui hoạch tổng thể, Tỉnh cần có tính đến qui hoạch trong các vùng nguyên liệu trong các dự án thuộc ngành nông lâm, ngư nghiệp. Đầu tư lượng vốn nhất định bằng ngân sách nhà nước hoặc khuyến khích các thành phần kinh tế khác xây dựng các nhà máy phụ trợ dựa trên nhu cầu của nhà đầu tư nước ngoài.

Thứ hai, Tỉnh cần xây dựng một chính sách đa dạng hoá các loại hình dịch vụ như ngân hàng bảo hiểm, tư vấn... Đa dạng hoá các hình thức cung ứng trong đó cần thiết kêu gọi đầu tư nước ngoài tham gia vào các lĩnh vực này.

3.2.5. Tăng cường công tác bảo vệ môi trường

- Kiện toàn và nâng cao vai trò của các tổ chức có trách nhiệm giám sát ô nhiễm. Hoàn thiện cơ chế và chức năng giám sát theo hướng thêm quyền của các lực lượng tham gia giám sát ô nhiễm. Thành lập lực lượng

chuyên trách (một dạng của cảnh sát môi trường) có chức năng nhiệm vụ và quyền hạn giám sát xử lý mọi vi phạm theo quy định của pháp luật.

- Tăng cường công tác tuyên truyền và vận động các nhà doanh nghiệp gương mẫu thực các cam kết về bảo vệ môi trường, kiên quyết xử lý các trường hợp vi phạm, đồng thời biểu dương khen thưởng kịp thời các cá nhân đơn vị làm tốt cho tất cả các ngành, các cấp nhận thức đúng tầm quan trọng và ngày càng nâng cao ý thức trách nhiệm cho việc bảo vệ môi trường.

KẾT LUẬN

Từ những vấn đề lí luận và thực tiễn cho thấy tầm quan trọng của nguồn vốn FDI đối với quá trình tăng trưởng và phát triển kinh tế của tỉnh Quảng Ngãi Vì nguồn vốn FDI đã có những đóng góp rất đáng kể vào phát triển kinh tế - xã hội của tỉnh Quảng Ngãi cũng như góp phần chuyển dịch cơ cấu kinh tế theo hướng công nghiệp hoá - hiện đại hoá; thúc đẩy tăng trưởng kinh tế; làm tăng thu ngân sách cho tỉnh; góp phần làm tăng kim ngạch xuất khẩu; giải quyết việc làm cho lao động địa phương. Vì vậy, để thu hút được nguồn vốn này Quảng Ngãi cần phải thực hiện các giải pháp sau đây là:

- Hoàn thiện môi trường đầu tư bằng cách tạo trường chính trị - xã hội ổn định, thực hiện tốt các sách như đất đai giải phóng mặt bằng, thủ tục hành chính, cơ sở hạ tầng, lao động tiền lương, công nghệ để cho nhà đầu tư thấy được môi trường đầu tư hấp dẫn.

- Hoàn thiện các chính sách khuyến khích và ưu đãi đầu tư như chính sách về thuế, tín dụng và các ưu đãi tài chính tạo điều kiện thuận lợi cho nhà đầu tư nước ngoài. Bên cạnh, còn đẩy mạnh các hoạt động xúc tiến đầu tư, phát triển sản xuất & dịch vụ nội địa, tăng cường công tác bảo vệ môi trường.